

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nếu bất kỳ một mặt hàng nào thuộc gói thầu có một tiêu chí không đạt yêu cầu kỹ thuật thì E-HSDT của nhà thầu sẽ được đánh giá là không đạt yêu cầu kỹ thuật và không được xem xét về tài chính.

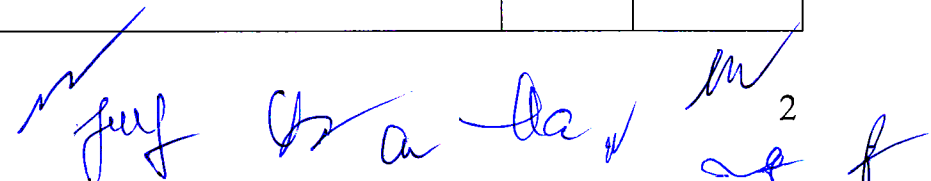
Toàn bộ các mặt hàng thuộc gói thầu phải đáp ứng các yêu cầu như quy định tại bảng dưới đây:

Nội dung yêu cầu		Kết quả đánh giá	
		Đạt	Không đạt
Tên gói thầu: Gói 15: 170 mặt hàng sinh phẩm, hóa chất, vật tư tương thích với máy nhuộm hóa mô miễn dịch và lai tại chỗ tự động, 30 vị trí đặt slide			
I. Yêu cầu chung			
A. Tính hợp lệ của hàng hóa			
1	Yêu cầu chung đối với tất cả các loại hàng hóa dự thầu: <ul style="list-style-type: none">- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng còn hiệu lực (ISO 13485:2016 hoặc ISO 9001:2015 đối với hàng hóa không phải là thiết bị y tế)- Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật thiết bị y tế hoặc các hàng hóa khác (tiếng Việt).- Nhãn hàng hóa tiếng Việt lưu hành tại Việt Nam.- Thông tin về hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.- Tài liệu kỹ thuật để phục vụ việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị y tế, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế (nếu có).- Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành (nếu có).- Giấy chứng nhận hợp chuẩn theo quy định hoặc bản tiêu chuẩn sản phẩm do chủ sở hữu công bố.- Tài liệu chứng minh xuất xứ của hàng hóa (đối với các mặt hàng không có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc giấy phép nhập khẩu).	Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng một tiêu chí

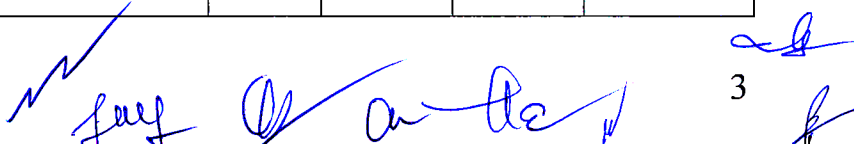
¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

[Handwritten signatures and initials in blue ink]

<p>Yêu cầu cụ thể đối với từng loại hàng hóa dự thầu:</p> <p>1. Đối với hàng hóa dự thầu là TTBYT:</p> <p>1.1. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận lưu hành tự do còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đã được hợp pháp hóa lãnh sự và có bản dịch công chứng tiếng Việt. - Giấy uỷ quyền bán hàng của chủ sở hữu thiết bị y tế/số lưu hành/nhà nhập khẩu (nếu có). - Có bảng phân loại thiết bị y tế. Kết quả phân loại được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ: https://imda.moh.gov.vn/web/guest/cong-khai-phan-loai-ttbyt - Bản niêm yết giá hoặc giá kê khai. <p>1.2 Yêu cầu cụ thể</p> <p>1.2.1 Đối với thiết bị y tế loại A, B: Có "Công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B" tại địa chỉ: https://imda.moh.gov.vn/web/guest/van-ban-cong-bo</p> <p>1.2.2 Đối với thiết bị y tế loại C, D:</p> <p>Số đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế.</p> <p>2. Đối với hàng hóa dự thầu là các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế, và các hóa chất theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép lưu hành theo quy định còn hiệu lực đối với các hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn /dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo quy định tại Nghị định 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016. - Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy phép lưu hành còn hiệu lực đối với các hóa chất thuộc phạm vi kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Hóa chất. <p>Lưu ý: Các tài liệu đính kèm trong E-HSDT nếu là ngôn ngữ khác thì phải được đính kèm bản dịch Tiếng Việt. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung bản dịch so với bản gốc và tính pháp lý của tài liệu này.</p>	<p>Đáp ứng đầy đủ</p>	<p>Không đáp ứng một tiêu chí</p>
---	-------------------------------	---

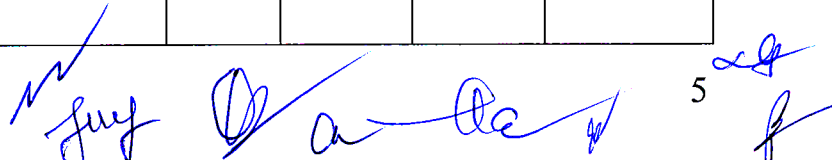


B. Biểu tiến độ cung cấp						
1	<p>Hàng hóa được giao phải đủ số lượng và đúng các thông tin tiêu chuẩn như đã công bố trong E-HSDT. Hàng hóa được giao theo từng đơn đặt hàng của bệnh viện, thời gian ≤ 72 giờ kể từ nhà thầu nhận được đơn hàng qua e-mail, fax hoặc điện thoại. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: hàng hóa được giao tại kho của Phòng Vật tư - Thiết bị y tế 03 cơ sở Bệnh viện K: cơ sở Quán Sứ, cơ sở Tam Hiệp, cơ sở Tân Triều. Hàng hóa phải được vận chuyển theo đúng điều kiện bảo quản của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn, phòng tránh cháy nổ, đổ vỡ, hư hỏng</p>				Đáp ứng	Không đáp ứng
C. Khả năng thích ứng về địa lý và tác động đối với môi trường						
1	Hàng hóa được kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, bảo quản phù hợp với khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng.				Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng một tiêu chí
2	Hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động đến môi trường hoặc có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng có đề xuất biện pháp giải quyết.					
II. Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết						
STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Kháng thể đơn dòng (KTĐĐ) kháng CD15 (MMA) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng CD15 dòng MMA dạng pha sẵn cho 50 xét nghiệm. Mab: $\sim 56 \mu\text{g}/5\text{mL}$, Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản	Test	500		
2	KTĐĐ kháng CD45 (LCA) (RP2/18) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng CD45, LCA dòng RP2/18 dạng pha sẵn. Mab: $\sim 5.0 \mu\text{g}/5\text{mL}$, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản	Test	100		
3	Kháng thể đa dòng kháng PSA (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) thỏ kháng Prostate Specific Antigen dạng pha sẵn: $\sim 3.5 \mu\text{g}/5\text{mL}$, Tris-HCL, protein vận chuyển, chất bảo quản.	Test	500		



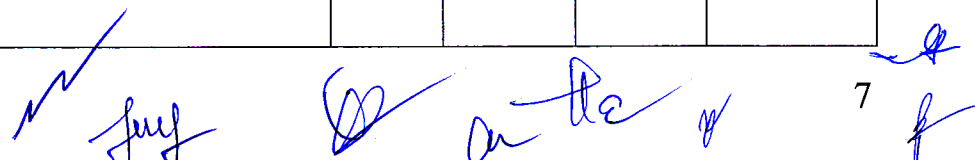
STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	KTĐD kháng CD43 (L60) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD43 dòng L60 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphate chứa protein vận chuyển, chất bảo quản.	Test	400		
5	KTĐD kháng Desmin (DE-R-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Desmin dòng DE-R-11 dạng pha sẵn. Mab: ~ 25 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
6	KTĐD kháng Chromogranin A (LK2H10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Chromogranin A dòng LK2H10 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản	Test	800		
7	Kháng thể đa dòng kháng S100 (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng thỏ kháng S100 dạng pha sẵn. Mab: ~ 50 µg/ 5mL, đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
8	KTĐD kháng CD20 (L26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD chuột kháng CD20 dòng L26 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản	Test	800		
9	KTĐD kháng CK (Pan) (AE1/AE3 & PCK26) (pha sẵn)	Thành phần: Hỗn hợp KTĐD (Mab) chuột kháng Pan Keratin từ các dòng AE1, AE3 và dòng PCK26 dạng pha sẵn. Mab: ~ 231.5 µg/ 5mL, đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	250		
10	KTĐD kháng NSE (MRQ-55) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng NSE dòng MRQ-55, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1%, Sodium Azide < 0.1%.	Test	100		
11	Kháng thể đa dòng kháng TdT (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng thỏ kháng Terminal Deoxynucleotidyl Transferase dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
12	KTĐD kháng Thyroglobulin (2H11+6E1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Thyroglobulin dòng 2H11+6E1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	200		
13	KTĐD kháng bcl-6 (GI191E/A8) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Bcl-6 dòng GI191E/A8 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	500		
14	KTĐD kháng CD21 (2G9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD21 dòng 2G9 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	200		
15	KTĐD kháng CD138/syndecan-1 (B-A38) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD138 dòng B-A38 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	100		
16	KTĐD kháng CK 19 (A53-B/A2.26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin 19 dòng A53-B/A2.26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7 với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	400		
17	KTĐD kháng PR (1E2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Progesterone Receptor dòng 1E2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	4.500		
18	KTĐD kháng Vimentin (V9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Vimentin dòng V9 dạng pha sẵn. Mab: ~ 12.5 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
19	KTĐD kháng CD30 (Ber-H2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD30 dòng Ber-H2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 6 µg/5ml, đệm Tris, EDTA, Brij-35 và protein vận chuyển và 0.05% Sodium azide.	Test	1.000		

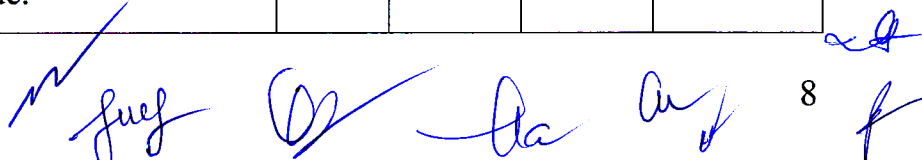


STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
20	KTĐD kháng CD34 (QBEnd/10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD34 dòng QBEnd/10 dạng pha sẵn. Mab: ~ 4 µg/ 5mL, đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	400		
21	KTĐD kháng CD68 (KP-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD68 dòng KP-1 dạng pha sẵn. Mab: 2µg/ 5mL, đệm phosphat, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	250		
22	KTĐD kháng Ki-67 (30-9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Ki-67 dạng pha sẵn. Mab: ~ 10 µg/ 5mL, dung dịch đệm chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	15.200		
23	KTĐD kháng ER (SP1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Estrogen Receptor dòng SP1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCl, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	6.600		
24	KTĐD kháng CD3 (2GV6) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD3 dòng 2GV6 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	1.000		
25	KTĐD kháng CD23 (SP23) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD23 dòng SP23 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa 2% protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	650		
26	KTĐD kháng Keratin (34βE12) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Keratin dòng 34βE12 dạng pha sẵn. Mab: ~ 7 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
27	KTĐD kháng Melanosome (HMB45) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng HMB45 trên Melanosome dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, dung dịch chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
28	KTĐD kháng CK 20 (SP33) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thô kháng CK20 dòng SP33 dạng pha sẵn. Mab: ~ 9.5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	500		
29	KTĐD kháng CD79a (SP18) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thô kháng CD79a dòng SP18 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5 µg/ 5mL, đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	200		
30	KTĐD kháng p63 (4A4) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng P63 dòng 4A4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.7 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	850		
31	KTĐD kháng CD99 (O13) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD99 dòng O13 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
32	KTĐD kháng CD5 (SP19) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thô kháng CD5 dòng SP19 dạng pha sẵn. Mab: ~ 4µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	300		
33	KTĐD kháng Mesothelial Cell (HBME-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Mesothelial dòng HBME-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	50		
34	KTĐD kháng bcl-2 (124) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Bcl-2 dòng 124 dạng pha sẵn. Mab: ~ 85µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
35	KTĐD kháng CK 5/6 (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin 5/6 dòng D5/16B4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 52 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	950		



STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
36	KTĐD kháng EMA (E29) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Epithelial Membrane Antigen dòng E29 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
37	KTĐD kháng CD1a (EP3622) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD1a dòng EP3622 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	150		
38	KTĐD kháng CK 17 (SP95) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Cytokeratin 17 dòng SP95 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5.5 µg/ 5mL, đệm Tris HCL và chất bảo quản.	Test	100		
39	KTĐD kháng HER2/ neu (4B5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Her2/neu dòng 4B5 dạng pha sẵn. Mab: ~ 30 µg/ 5mL, muối đệm 0.05 M Tris, EDTA 0.01M, protein vận chuyển và chất bảo quản. Trong dung dịch gốc có ~ 0.25% vết huyết thanh bào thai bê.	Test	10.500		
40	KTĐD kháng CD4 (SP35) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD4 dòng SP35 dạng pha sẵn. Mab: ~ 12.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	250		
41	KTĐD kháng CD10 (SP67) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD10 dòng SP67 dạng pha sẵn. Mab: ~ 24.5 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	1.550		
42	KTĐD kháng CD31 (JC70) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD31 dòng JC70 dạng pha sẵn / 5mL, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% chất bảo quản.	Test	250		
43	KTĐD kháng CD57 (NK-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD57 dòng NK-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	150		



STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
44	KTĐD kháng CEA (CEA31) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CEA dòng CEA31 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	150		
45	KTĐD kháng CK 7 (SP52) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Cytokeratin 7 dòng SP52 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2.5µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	850		
46	KTĐD kháng Synaptophysin (SP11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Synaptophysin dòng SP11 dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.3 µg/ 5mL, đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	200		
47	KTĐD kháng ER (SP1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng ER dòng SP1 dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, dung dịch Tris-HCl chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	3.000		
48	KTĐD kháng PR (1E2); (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng PR dòng 1E2 dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản, trong dung dịch gốc có ~0.2% vết huyết thanh bào thai bê.	Test	2.500		
49	KTĐD kháng CD2 (MRQ-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD2 dòng MRQ-11 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	150		
50	KTĐD kháng CD7 (SP94) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD7 dòng SP94 dạng pha sẵn. Mab: ~ 10.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
51	KTĐD kháng CD38 (SP149) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD38 dòng SP149 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	400		
52	KTĐD kháng c- Myc (Y69) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng c-Myc dòng Y69 dạng pha sẵn. Mab: ~ 120 µg/ 5mL, đệm TBS chứa protein vận chuyển.	Test	150		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
53	KTĐĐ kháng Cyclin D1 (SP4-R) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thô kháng Cyclin D1 dòng SP4-R dạng pha sẵn. Mab: ~ 0.5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	300		
54	KTĐĐ kháng TTF-1 (SP141) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thô kháng Thyroid Transcription Factor-1 dòng SP141 dạng pha sẵn. Mab: ~ 28.5 µg/ 5mL, đệm Tris, pH 7.5 với protein vận chuyển, chất tẩy không ion hóa và chất bảo quản.	Test	1.500		
55	KTĐĐ kháng WT1 (6F-H2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng WT1 dòng 6F-H2 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	400		
56	KTĐĐ kháng p16 dòng Cintec (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng CIntec p16 Histology dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	500		
57	KTĐĐ kháng p16 dòng Cintec; (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng CIntec p16 Histology dạng pha sẵn cho 250 xét nghiệm. Mab: ~ 25 µg/ 25mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	250		
58	KTĐĐ kháng p53 (Bp53-11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ chuột kháng p53 dòng Bp53-11 dạng pha sẵn. Mab: ~12.5 µg/ 5mL, đệm muối phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
59	KTĐĐ kháng CA-125 (OC125) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng CA-125 dòng OC125 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và < 0.1% Sodium Azide.	Test	150		
60	KTĐĐ kháng PLAP (NB10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng Placental Alkaline Phosphatase dòng NB10 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	200		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
61	KTĐĐ kháng Caldesmon (E89) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thổ kháng Caldesmon dòng E89 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	400		
62	KTĐĐ kháng MART-1/melan A (A103) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng MART-1/melan A dòng A103 dạng pha sẵn. Mab: ~ 17 µg/ 5mL, 0.05 M Tris-HCL chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		
63	KTĐĐ kháng DOG-1 (SP31) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thổ kháng Dog-1 dòng SP31 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	600		
64	KTĐĐ kháng PAX-5 (SP34) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thổ kháng PAX-5 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	200		
65	KTĐĐ kháng PAX-8 (MRQ-50) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng PAX-8 dòng MRQ-50 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	1.100		
66	KTĐĐ kháng Oct-4 (MRQ-10) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng Oct-4 dòng MRQ-10 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
67	KTĐĐ kháng p40 (BC28) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng p40 dòng BC28 dạng pha sẵn. Mab: ~ 2 µg/ 5mL, Tris-HCL, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	1.200		
68	KTĐĐ kháng Napsin A (MRQ-60) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng Napsin A dòng MRQ-60 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	550		
69	KTĐĐ kháng GCDFP-15 (EP1582Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thổ kháng GCDFP-15 dòng EP1582Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	250		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
70	Nhãn in mã vạch	Dùng để in nhãn cho xét nghiệm	Cái	57.500		
71	Mực in mã vạch	1 cuộn ruy băng mực in đủ in 8100 nhãn.	Cuộn	15		
72	Dung dịch đệm làm chuyển màu Hematoxylin sang xanh - HMMD; (pha sẵn)	Thành phần: 0.1 M lithium carbonate và 0.5 M sodium carbonate/ 25 mL.	test	44.000		
73	Dung dịch loại nền cô đặc 10 lần	Thành phần: Chứa khoảng 30% dung dịch chất tẩy và một chất bảo quản.	Lít	324		
74	Dung dịch đệm test cô đặc (10X)	Thành phần: dung dịch đệm Tris, và một chất bảo quản.	Lít	840		
75	Thuốc nhuộm Hematoxylin (pha sẵn)	Thành phần: Hematoxylin II ($\leq 60\%$); chứa glycol và acid acetic ổn định dung dịch.	Test	43.750		
76	Bộ phát hiện màu nâu HMMD	Thành phần: Hydrogen peroxide 3%, kháng thể đánh dấu HRP, đồng sulfate (5g/L) trong đệm acetate và chất bảo quản.	Test	100.250		
77	Bộ phát hiện màu đỏ HMMD	Thành phần: kháng thể đánh dấu Alkaline Phosphatase (AP) (khoảng 50 μ g/mL) và một số chất bảo quản.	Test	250		
78	Dung dịch đệm lai phân tử cho xét nghiệm lai Her2 (pha sẵn)	Thành phần: đệm khoảng 55% formamide.	mL	550		



 12

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
79	Dung dịch SSC cô đặc 10 lần	Thành phần: Sodium chloride, Sodium citrate và chất bảo quản.	Lít	52		
80	Dung dịch rửa bạc II	Thành phần: đệm Citrate < 0.5 M, và chất bảo quản.	Lít	50		
81	Enzyme khử màng 3 dùng cho lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: chứa alkaline protease hoạt độ khoảng 0.24 casein U/mL trong dung dịch đệm Tris ổn định enzyme	Test	2.600		
82	Tiêu bản chứng Her2 loại 3 trong 1	Thành phần: chứa ba dòng tế bào ung thư biểu mô người khác nhau được cố định trong formalin, vùi trong paraffin, mỗi tiêu bản một trạng thái gen HER2 khác nhau, được tạo ra như ở khối u (ghép ngoại lai) trong chuột SCID.	Slide	10		
83	Bộ kit phát hiện tạo màu nâu theo cơ chế gắn HQ (Hapten)	Thành phần: dung dịch hydrogen peroxide 3.0%; KTĐD từ chuột kháng HQ được đánh dấu với HRP (<40 µg/mL); 0.04% hydrogen peroxide trong dung dịch đệm phosphate.	Test	22.500		
84	Bộ khuếch đại tín hiệu cho bộ phát hiện HMMD màu nâu	Thành phần: Tyramide gắn chất kết nối mang HQ (<40 µg/mL); kháng thể chuột kháng HQ: HRP (<10 µg/mL); H2O2 0.04%.	Test	1.350		
85	KTĐD kháng ALK (D5F3) dùng với điều trị đích (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng ALK dòng D5F3 dạng pha sẵn. Mab: ~ 70 µg/ 5 mL, trong PBS 0.08 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	1.000		
86	Bộ mẫu dò EBER RNA - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: khoảng 750 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, đệm formamide.	Test	350		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
87	Bộ phát hiện tín hiệu lai phân tử màu xanh	Thành phần: Kháng thể chuột đơn dòng kháng fluorescein; đệm muối phosphate; Streptavidin Alkaline Phosphatase trong; MgCl ₂ ; 5-bromo-4-chloro-3-indolyl phosphate.	Test	1.000		
88	Tiêu bản chứng dương EBER	Thành phần: Hai hạt tế bào (một âm tính và một dương tính), các hạt tế bào đã được cố định bằng formalin	Test	10		
89	Hóa chất nhuộm trong phản - lai phân tử	Thành phần: dung dịch nuclear fast red và chất bảo quản, pha sẵn.	Test	2.000		
90	KTĐD kháng Actin, Smooth Muscle (1A4) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Actin, Smooth Muscle dòng 1A4 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1%, và <0.1% Sodium Azide.	Test	200		
91	KTĐD kháng Actin, Muscle Specific (HHF35) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Actin, Muscle Specific dòng HHF35 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
92	KTĐD kháng Androgen Receptor (SP107) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Androgen Receptor dòng SP107 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	200		
93	KTĐD kháng S100 (4C4.9) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng S100 dòng 4C4.9 dạng pha sẵn. Mab: ~ 50 µg/ 5 mL, muối đệm Phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
94	KTĐD kháng CDX-2 (EPR2764Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng CDX-2 dòng EPR2764Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	550		
95	KTĐD kháng c- MET (Total) (SP44) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng c-MET dòng SP44 dạng pha sẵn. Mab: ~ 48.75 µg/ 5 mL, trong Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		
96	KTĐD kháng GFAP (EP672Y) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng Glial Fibrillary Acidic Protein (GFAP) dòng EP672Y dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
97	KTĐD kháng chứng âm (Rabbit Ig) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử Negative Control Rabbit Monoclonal Ig dạng pha sẵn. Mab: ~ 250 µg/ 25 mL, PBS, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	1.000		
98	KTĐD kháng PD-L1 (SP263) dùng với điều trị miễn dịch (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng PD-L1 dòng SP263. Mab: ~ 8.05 µg/ 5 mL, trong đệm Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
99	KTĐD kháng Beta-Catenin (14) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Beta-catenin dòng 14 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
100	Kháng thể đa dòng kháng ACTH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thử kháng ACTH dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
101	KTĐĐ kháng PD-1 (NAT105) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng Programmed Death-1 dòng NAT-105 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
102	KTĐĐ kháng SOX-10 (SP267) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thỏ kháng SOX-10 dòng SP267 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	400		
103	KTĐĐ kháng SOX-11 (MRQ-58) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng SOX-11 dòng MRQ-58 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	250		
104	KTĐĐ kháng PMS2 (A16-4) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bất cặp sai (MMR) để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) chuột kháng PMS2 dòng A16-4 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong PBS 0.08 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản	Test	3.100		
105	KTĐĐ kháng Olig2 (EP112) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐĐ (Mab) thỏ kháng Olig2 dòng EP112 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	350		
106	Kháng thể đa dòng kháng GH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Growth Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
107	Kháng thể đa dòng kháng Prolactin (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Prolactin dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
108	Kháng thể đa dòng kháng TSH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Thyroid Stimulating Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
109	Kháng thể đa dòng kháng LH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Luteinizing Hormone dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
110	Kháng thể đa dòng kháng FSH (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ. Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
111	KTĐD kháng Neurofilament (2F11) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Neurofilament dòng 2F11 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
112	KTĐD kháng Calcitonin (SP17) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Calcitonin dòng SP17 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
113	Bộ mẫu dò chứng âm lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: Một ống thuốc thử chứa khoảng 250 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa	Test	200		
114	Bộ mẫu dò chứng dương RNA - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: Một ống thuốc thử chứa khoảng 250 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa	Test	150		



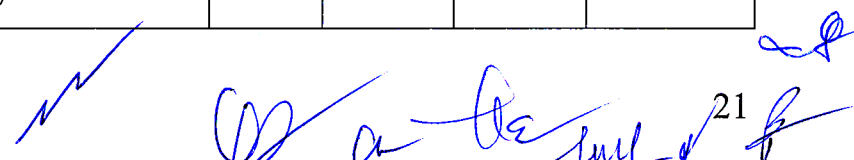

17

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
115	Dung dịch dầu khoáng nhẹ phủ tiêu bản (pha sẵn)	Thành phần: chứa một hydrocarbon no, tỷ trọng thấp và dầu khoáng	Lít	1.000		
116	Dung dịch bột lộ kháng nguyên dùng trong xét nghiệm lai tại chỗ (pha sẵn)	Thành phần: đệm citrate với chất bảo quản, ở dạng pha sẵn.	Lít	35		
117	Dung dịch bột lộ kháng nguyên dùng trong xét nghiệm HMMD (pha sẵn)	Thành phần: chứa dung dịch đệm Tris, và một chất bảo quản	Lít	510		
118	Bộ mẫu dò Kappa - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần chứa khoảng 550 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa	Test	200		
119	Bộ mẫu dò Lambda - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: chứa khoảng 550 ng/mL đoạn dò đã đánh dấu fluorescein, được pha với trong dung dịch đệm formamide cho lai hóa.	Test	200		
120	Tiêu bản chứng dương Kappa - lai phân tử	Thành phần: chứa một phần mô amidan bình thường được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.	Slide	30		
121	Tiêu bản chứng dương Lambda - lai phân tử	Thành phần: chứa một phần mô amidan bình thường được cố định bằng formalin, vùi trong paraffin.	Slide	30		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
122	KTĐD kháng MLH1 (M1) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bất cặp sai (MMR) để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MLH1 dòng M1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong đệm TBS chứa protein vận chuyển.	Test	3.000		
123	KTĐD kháng MSH2 (G219-1129) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protetin sửa lỗi bất cặp sai để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MSH2 dòng G219-1129 dạng pha sẵn. Mab: ~ 100 µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate có chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	3.000		

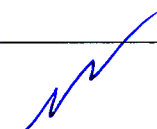
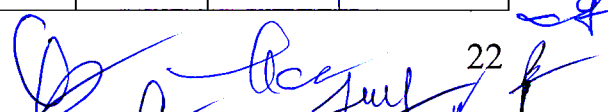
STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
124	KTĐD kháng MSH6 (SP93) dùng cùng các kháng thể khác để phát hiện protein sửa lỗi bất cặp sai - sàng lọc hội chứng Lynch trong UTĐTT (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng MSH6 dòng SP93 dạng pha sẵn. Mab: ~ 5 µg/ 5 mL, trong Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	3.000		
125	KTĐD kháng BRAF V600E (VE1) dùng cùng các kháng thể khác trong bộ MMR để sàng lọc hội chứng Lynch trong ung thư đại trực tràng trong trường hợp thiếu hụt protein MLH1 (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng BRAF V600E dòng VE1 dạng pha sẵn. Mab: ~ 60 µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate (pH 7.3), protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	150		
126	Kháng thể đa dòng kháng AFP (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thổ kháng Alpha-Fetoprotein dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
127	KTĐD kháng Arginase-1 (SP156) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng Arginase-1 dòng SP156 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	750		
128	KTĐD kháng CA 19-9 (121SLE) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CA 19-9 dòng 121SLE dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	250		
129	KTĐD kháng Calretinin (SP65) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng Calretinin dòng SP65 dạng pha sẵn. Mab: ~ 30µg/ 5 mL, trong đệm muối chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
130	KTĐD kháng CD163 (MRQ-26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD163 dòng MRQ-26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
131	KTĐD kháng CD33 (SP266) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng CD33 dòng SP266 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
132	KTĐD kháng Podoplanin (D2-40) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Podoplanin dòng D2-40 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
133	KTĐD kháng E-cadherin (36) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng E-cadherin dòng 36 dạng pha sẵn. Mab: ~ 1.5µg/ 5 mL, trong đệm Phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	100		
134	KTĐD kháng ERG (EPR3864) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng ERG dòng EPR3864 dạng pha sẵn. Mab: ~ 115 µg/ 5 mL, trong đệm TBS chứa protein vận chuyển.	Test	200		



 21

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
135	KTĐD kháng GATA3 (L50-823) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng GATA3 dòng L50-823 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	700		
136	KTĐD kháng Glypican-3 (1G12) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Glypican-3 dòng 1G12 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	500		
137	Kháng thể đa dòng kháng hCG (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng hCG (Human Chorionic Gonadotropin) dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
138	KTĐD kháng HSA (OCH1E5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Hepatocyte Specific Antigen (HSA) dòng OCH1E5 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	250		
139	KTĐD kháng INI-1 (MRQ-27) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng INI-1 dòng MRQ-27 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
140	Kháng thể đa dòng kháng Lysozyme (pha sẵn)	Thành phần: Kháng thể đa dòng (Pab) từ thỏ kháng Lysozyme dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
141	KTĐD kháng Mammaglobin (31A5) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng Mammaglobin dòng 31A5 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	250		
142	KTĐD kháng MUC5AC (MRQ-19) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng MUC5AC dòng MRQ-19 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		



 22

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
143	KTĐD kháng MyoD1 (EP212) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng MyoD1 dòng EP212 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
144	KTĐD kháng Myogenin (F5D) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Myogenin dòng F5D dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
145	KTĐD kháng Myosin, Smooth Muscle (SMMS-1) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Myosin, Smooth Muscle dòng SMMS-1 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
146	KTĐD kháng PSAP (PASE/4LJ) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng PASP dòng PASE/4LJ dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	50		
147	KTĐD kháng PTEN (SP218) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thổ kháng PTEN dòng SP218 dạng pha sẵn. Mab: ~ 15µg/ 5 mL, đệm Tris, EDTA, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		
148	KTĐD kháng RCC (PN-15) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Renal Cell Carcinoma dòng PN-15 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	150		
149	KTĐD kháng SALL4 (6E3) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng SALL4 dòng 6E3 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và <0.1% Sodium Azide.	Test	100		
150	KTĐD kháng ALK1 (ALK01) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng ALK1 dòng ALK01 dạng pha sẵn. Mab: ~ 25 µg, trong đệm phosphate chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
151	KTĐD kháng Glypican-3 (GC33) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột, muối đệm phosphate, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	200		
152	KTĐD kháng MUC6 (MRQ-20) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột, pha loãng trong dung dịch đệm Tris, pH 7,3 - 7,7, với 1% BSA và <0,1% Sodium azide.	Test	100		
153	Bộ mẫu dò kép HER2 - lai phân tử (pha sẵn)	Thành phần: 14 µg/mL các đoạn dò HER2 đánh dấu với dinitrophenyl (DNP) và 0.24 µg/mL các đoạn dò Nhiễm sắc thể số 17 đánh dấu với digoxigenin (DIG) trong dung dịch đệm lai hóa gốc formamide	Test	960		
154	Bộ phát hiện tín hiệu đỏ DIG - lai phân tử	Thành phần: ~7,5 µg/mL kháng thể kháng DIG đánh dấu hapten; ~10 µg/mL enzyme alkaline phosphatase (AP) kháng NP; <3% MgCl ₂ ; <8 g/L naphthol; <3 g/L muối Fast Red KL.	Test	1.020		
155	Bộ phát hiện tín hiệu bạc DNP - lai phân tử	Thành phần: ~12,5 µg/mL kháng thể kháng DNP đánh dấu hapten; ~25 µg/mL enzyme gấc horseradish peroxidase (HRP); <1% CH ₃ COOAg; <1% C ₆ H ₆ O ₂ ; <0,2% H ₂ O ₂ .	Test	1.020		
156	Khuyếch đại tín hiệu của bộ tạo màu nâu	Thành phần: Tyramide chứa HQ (<40 µg/mL); Kháng thể kháng HQ: HRP (<10 µg/mL); 0.04% H ₂ O ₂ .	Test	1.250		
157	Kháng thể đơn dòng anti-CD117 (EP10)	Thành phần: khoảng 0,5 µg kháng thể đơn dòng của thỏ; EDTA; protein và 0,05% Sodium azide, một chất bảo quản.	test	550		
158	Kháng thể đơn dòng MUC2 (MRQ-18)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
159	KTĐD kháng ROS1 (SP384) trong mô	Thành phần: 1µg KTĐD từ thỏ, Tris-HCl, protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		
160	KTĐD phát hiện bằng hóa mô miễn dịch vùng đầu C của thụ thể tropomyosin kinase (TRK) các protein A, B và C	Thành phần: chứa khoảng 140µg kháng thể đơn dòng từ thỏ, muối đệm Tris, EDTA, protein vận chuyển và chất bảo quản.	test	50		
161	KTĐD kháng TotalcMET (SP44)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng c-MET dòng SP44 dạng pha sẵn. Mab: ~ 48.75 µg/ 5 mL, trong Tris-HCl 0.05 M chứa protein vận chuyển và chất bảo quản.	Test	50		
162	KTĐD kháng Uroplakin III (SP73)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	50		
163	KTĐD kháng Cytokeratin (CAM 5.2) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng Cytokeratin dòng CAM 5.2 dạng pha sẵn. Mab: ~ 55 µg/ 5mL, kháng thể được pha loãng trong Tris-HCl có chứa protein vận chuyển và một chất bảo quản.	Test	50		
164	KTĐD kháng CD56 (MRQ-42) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thỏ kháng CD56 dòng MRQ-42 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	800		
165	KTĐD kháng CD45 (LCA) (2B11 & PD7/26) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) chuột kháng CD45 (LCA) dòng 2B11 & PD7/26 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	100		

STT mời thầu	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đáp ứng	Không đáp ứng
166	KTĐD kháng MUM1 (EP190) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng MUM1 dòng EP190 dạng pha sẵn, đệm Tris, pH 7.3-7.7, 1% BSA và < 0.1% Sodium Azide.	Test	100		
167	Thuốc thử xét nghiệm NKX3.1 (EP356)	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.3-7.7, với BSA 1% và Sodium Azide < 0.1%.	Test	100		
168	KTĐD kháng CD8 (SP239) (pha sẵn)	Thành phần: KTĐD (Mab) thử kháng CD8 dòng SP239 dạng pha sẵn. Mab: ~ 51,0 µg/5mL, đệm phosphate, protein vận chuyển, chất bảo quản.	Test	100		
169	Tiêu bản tích điện dương	Lam kính đặt vật dùng để nhuộm hematoxylin và eosin (HE) và nhuộm hóa mô miễn dịch cho các lát cắt mô cố định bằng formalin và vùi trong paraffin. Kích thước phần kính mờ của sản phẩm là 20 mm.	Cái	80.000		
170	Thuốc thử xét nghiệm Granzyme B	Thành phần: Kháng thể được pha loãng trong đệm Tris, pH 7.3-7.7, với 1% BSA và <0.1% Natri Azide. Vật chủ: thỏ	Test	50		

